TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131/2022/QĐST-HNGĐ	*Bá Th□ớc, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, Sinh năm: 1998

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện B, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc H, Sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện B, Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thị Huyền T, sinh ngày 13/11/2015. Ly hôn các đương sự thống nhất giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu thành niên.

Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Phạm Thị T và anh Bùi Ngọc H đều là người dân tộc thiểu số (Dân tộc

Mường) sống tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, anh chị đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí vì vậy chị T, anh H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga